

Bản án số: 917/2019/HC-PT
Ngày: 26 - 12 - 2019
V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai,
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Tô Chánh Trung

Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Các ngày 20, 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 428/2019/TLPT-HC ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2019/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3220/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Hồ Văn O, sinh năm 1931 (có mặt).

Địa chỉ: Số 422, khu phố A1, phường A2, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Mai Hùng D – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương (là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 1555/UBND-BTCD ngày 26/4/2017) (vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân thị xã A.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A: Ông Võ Anh T – Chức vụ: Phó chủ tịch là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 1126/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hồ Văn H, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Số 35, đường 14, khu phố 4, phường A7, quận A4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Luật sư Nguyễn Đình H1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bà Hồ Thị Xuân M, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Số 186/4 Quốc lộ 1K, tổ 8, khu phố 1, phường A3, quận A4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Hồ Thị N, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 14 Võ Văn Ngân, tổ 6, khu phố 1, phường A5, quận A4, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Hồ Thị T1, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 911/4, tổ 6 đường A6, khu phố 1, phường A8, quận A4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà M, bà N, bà T1: Ông Hồ Văn H. Là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2017 và văn bản ủy quyền ngày 27/3/2019).

5. Bà Hồ Thị B, sinh năm 1947 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 37 đường 14, khu phố 4, phường A7, quận A4, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người kháng cáo:* ông Hồ Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2017 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Hồ Văn O trình bày:*

Căn cứ Quyết định số 4070/QĐ-CT ngày 22/10/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Bình Dương, UBND huyện (nay là thị xã) A đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số H02930 ngày 01/4/2009 thửa đất số 1493, tờ bản đồ số 7AB4, 5, 8 tổng diện tích 4.327m² cho ông Đoàn Văn T2. Căn cứ Quyết định số 4071/QĐ-CT ngày 22/10/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, UBND huyện (nay là thị xã) A đã cấp GCNQSDĐ số AP 642017 ngày 30/9/2009 diện tích 3.829,3m², thửa số 2233, tờ bản đồ số 8AB.2 và AP 642018 ngày 30/9/2009 diện tích 1.702,5m² thửa số 2234, tờ bản đồ số 2 cho bà Nguyễn Thị S. Ngày 27/5/2010 bà Nguyễn Thị S chết. Ngày 29/5/2015, UBND thị xã A đã cấp đổi hai GCNQSDĐ của bà S cho ông Hồ Văn H gồm GCNQSDĐ số CA061584 và số CA061585.

Ngày 09/6/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 1439/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ các Quyết định số 4070/QĐ-CT và số 4071/QĐ-CT ngày 22/10/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, Quyết định số 650/QĐ.CT, Quyết định số 651/QĐ.CT, Quyết định số 653/QĐ.CT ngày 27/01/2004 của Chủ tịch UBND huyện A.

Ông O khiếu nại UBND thị xã A không thu hồi các GCNQSDĐ đã cấp cho ông Đoàn Văn T2, bà Nguyễn Thị S và khiếu nại UBND thị xã A không thực hiện theo tờ cam kết phân chia đất ngày 27/7/1995 trong thân tộc ông O. Giải quyết khiếu nại của ông O, tại Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã A đã bác đơn khiếu nại của ông O đối với việc chưa thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông T2, bà S. Đối với yêu cầu thực hiện tờ cam kết phân chia đất trong thân tộc ông O theo tờ cam kết phân chia ngày 27/7/1995 thì Chủ tịch UBND thị xã A không giải quyết do thuộc thẩm quyền của Tòa án. Không đồng ý Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015, ông O khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương. Tại Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương đã bác đơn khiếu nại của ông O và công nhận Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã A là đúng quy định pháp luật.

Không đồng ý việc giải quyết của UBND các cấp, ông O khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Bình Dương giải quyết: Hủy Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã A về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn O; Hủy Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND

tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn của ông Hồ Văn O, khiếu nại Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã A (lần hai); Hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CA061584 ngày 29/5/2015 và GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CA061585 ngày 29/5/2015 do UBND thị xã A cấp cho ông Hồ Văn H. Quá trình làm việc tại TAND tỉnh Bình Dương và tại phiên tòa sơ thẩm, ông O trình bày: Đối với phần đất UBND đã cấp GCNQSDĐ cho ông T2 và việc ông T2 đã chuyển nhượng đất cho người khác, ông O không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này (bút lục 42, 43) đồng thời ông O có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc UBND các cấp giải quyết khiếu nại của ông O về việc hủy GCNQSDĐ của ông Đoàn Văn T2. Ngày 31/01/2019 ông O có đơn yêu cầu Tòa án xem xét hủy các GCNQSDĐ số AP 642017 và AP 642018 do UBND huyện A cấp ngày 30/9/2009 cho bà Nguyễn Thị S.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 18/7/2017 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND thị xã A, Chủ tịch UBND thị xã A trình bày:

Thân tộc ông O tranh chấp 04 phần đất tọa lạc tại xã A9, huyện A (nay là phường A9, thị xã A) như sau:

Phần thứ nhất diện tích 5.356m² thuộc các thửa 41, 42, 43, 45, 46, 48, 49, 695, 696 tờ bản đồ số 8 chính quy xã A9. Chủ tịch UBND huyện giải quyết tranh chấp tại các Quyết định số 519/QĐ-CT ngày 20/6/2002 và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 650/QĐ-CT, số 651/QĐ-CT, số 653/QĐ-CT ngày 27/01/2004.

Phần thứ hai diện tích 3.830m² và phần thứ ba diện tích 1.840m² thuộc các thửa 04, 24, 28 tờ bản đồ số 8 chính quy xã A9, Chủ tịch UBND huyện giải quyết tại Quyết định số 307/QĐ-CT ngày 08/6/2001 và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 4070/QĐ-CT ngày 22/10/2003.

Phần thứ tư diện tích 4.327m² thuộc các thửa 370 đến 374, 376 đến 386 và thửa 388, tờ bản đồ số 7 chính quy xã A9: Chủ tịch UBND huyện giải quyết tại Quyết định số 311/QĐ-CT ngày 08/6/2001 và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 4071/QĐ-CT ngày 22/10/2003.

Thực hiện Quyết định số 4071/QĐ-CT ngày 22/10/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, UBND thị xã A đã cấp GCNQSDĐ số H02930 ngày 01/4/2009, thửa 1492, tờ bản đồ số 7AB.4, 5, 8 tổng diện tích 4.327m². Sau khi được cấp GCNQSDĐ thì ông T2 đã chuyển nhượng cho 07 hộ, GCNQSDĐ của ông T2 đã được thu hồi và cấp cho 07 hộ gồm ông Trần Văn Q1, ông Dương

Xuân Q2, bà Vũ Thị Q3, ông Vũ Ngọc Q4, ông Nguyễn Văn Q5, bà Đinh Thị Q6, ông Trần Thanh Q7.

Thực hiện Quyết định số 4070/QĐ-CT ngày 22/10/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương và đơn xin cấp GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị S, UBND huyện A đã cấp 02 GCNQSDĐ số AP 642017 ngày 30/9/2009 diện tích 3.829,3m², thửa số 2233, tờ bản đồ số 8AB.2 và số AP 642018 ngày 30/9/2009 diện tích 1.702,5m² thửa số 2234, tờ bản đồ số 2 cho bà Nguyễn Thị S. Sau khi bà S chết, ông Hồ Văn H đã làm thủ tục thừa kế và đã được cấp 02 GCNQSDĐ số CA061584 và số CA061585 ngày 29/5/2015.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Dương tại Công văn số 1203/UBND-BTCD ngày 21/4/2015, UBND thị xã A đã tiến hành thu hồi và hủy các Quyết định: 307/QĐ-CT ngày 08/6/2001 giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ Văn H, số 519/QĐ-CT ngày 20/6/2002 giải quyết tranh chấp đất đai của các ông bà Hồ Văn X1, Phạm Thị X2, Phan Văn X3, Phạm Văn X4, Hồ Văn H, Hồ Văn O; số 311/QĐ-CT ngày 08/6/2002 giải quyết đơn khiếu nại tranh chấp đất đai của ông Đoàn Văn T2.

Đối với GCNQSDĐ đã cấp cho bà Nguyễn Thị S thì tại Văn bản chỉ đạo số 1203/UBND-BTCD ngày 21/4/2015 của UBND tỉnh Bình Dương không yêu cầu thu hồi. Đối với GCNQSDĐ đã cấp cho ông T2 thì UBND thị xã A đã thu hồi và cấp lại cho những hộ nhận chuyển nhượng đất của ông T2. Về các GCNQSDĐ này thì căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 5 Điều 84 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015, UBND thị xã A không thu hồi các GCNQSDĐ đã cấp.

Vì các lý do trên, Chủ tịch UBND thị xã A đã bác khiếu nại của ông O yêu cầu thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho bà S, ông T2. Đối với khiếu nại của ông O yêu cầu thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến Tờ cam kết phân chia đất gia tộc ngày 27/7/1995 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Người bị kiện UBND thị xã A, Chủ tịch UBND thị xã A đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Hồ Văn O.

** Tại bản giải trình đề ngày 10/5/2017 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương trình bày: Gia tộc ông O tranh chấp 04 phần đất như Chủ tịch UBND thị xã A đã trình bày. Không đồng ý với các quyết định giải quyết của UBND tỉnh Bình Dương, ông O khiếu nại đến Thủ tướng Chính phủ. Vụ việc được Thủ tướng Chính phủ giao Thanh tra chính phủ kiểm tra lại nội dung khiếu nại của ông O. Ngày 02/8/2010 Thanh tra chính phủ có Báo cáo số 2245/BC-TTTP kết luận nội dung khiếu nại của ông O. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thanh tra chính phủ tại các văn bản số*

7185/VPCP-KNTN ngày 08/10/2010, Văn bản số 5138/VPCP-KNTN ngày 27/7/2011, Văn bản số 10514/VPCP-VI ngày 12/12/2013 và Văn bản số 7325/VPCP-V.I ngày 19/9/2014 của Văn phòng chính phủ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ Văn O), Chủ tịch UBND thị xã A đã ban hành các Quyết định số 3046/QĐ-UBND, số 3047/QĐ-UBND, số 3048/QĐ-UBND ngày 04/6/2015 thu hồi và hủy các Quyết định số 311/QĐ-CT ngày 08/6/2001, Quyết định 519/QĐ-CT ngày 20/6/2002 và Quyết định số 307/QĐ-CT ngày 08/6/2001 của Chủ tịch UBND huyện A; Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 về việc thu hồi và hủy Quyết định số 4070/QĐ-CT, Quyết định số 4071/QĐ-CT ngày 22/10/2003; Quyết định số 650/QĐ-CT, Quyết định số 651/QĐ-CT và Quyết định số 653/QĐ-CT ngày 27/01/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Ngày 15/7/2015, ông O khiếu nại việc UBND thị xã A chưa thực hiện thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông T2 và bà S, không thực hiện theo tờ cam kết phân chia đất gia tộc ngày 27/7/1995 của gia tộc ông theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Theo khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật*”. Ông T2 đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật trước khi có Báo cáo số 2245/BC-TTCT ngày 02/8/2010 nên không thể thu hồi GCNQSDĐ số AN259635 do UBND huyện A cấp ngày 01/4/2009 cho ông T2. Đối với các GCNQSDĐ số H03022 và H03023 do UBND huyện A cấp ngày 30/9/2009 cho bà S thì tại Báo cáo số 2245/BC-TTCT ngày 02/8/2010 của Thủ tướng chính phủ không có kiến nghị thu hồi và Thủ tướng chính phủ không có chỉ đạo liên quan vấn đề này. Về việc ông O yêu cầu thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến Tờ cam kết phân chia đất gia tộc ngày 27/7/1995 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân các cấp.

Từ những nội dung trên Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 bác khiếu nại của ông Hồ Văn O, công nhận Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã A là đúng pháp luật. Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan

điểm tại Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016, đề nghị TAND tỉnh Bình Dương bác đơn khởi kiện của ông O, công nhận Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 là đúng theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Xuân M, Hồ Thị N, Hồ Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị B trình bày: Ông H, bà M, bà B, bà N, bà T1 là con ruột của bà Nguyễn Thị S. Đất của bà S được cấp GCNQSDĐ do ông Hồ Văn J (chồng bà S) quản lý, sử dụng đất từ năm 1978. Đến năm 1995 ông O đòi chia đất quá nhiều, thân tộc bất bình, trong đó có ông Hồ Văn R không đồng ý nên không ký tên, việc ông Chánh ký thay ông Lắng là không hợp pháp. Ngày 04/02/1996 ông O mới mang tờ cam kết phân chia đất ra địa phương ký xác nhận một mình, thân tộc không ai biết, cũng không thực hiện chia đất để sử dụng nên ông Nghĩa vẫn quản lý sử dụng và đóng thuế. Đồng thời sau đó, trong thân tộc đã thống nhất và có văn bản hủy bỏ tờ cam kết phân chia đất rồi. Do đó, tờ cam kết phân chia đất ngày 27/7/1995 vô hiệu, ông O dựa vào tờ phân chia đất này để đòi phân chia đất là không hợp pháp, ông H, bà M, bà B, bà N, bà T1 không đồng ý việc hủy GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị S và GCNQSDĐ của ông Hồ Văn H. Ông H đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn O, công nhận việc sử dụng đất của ông H đối với diện tích 3.829,3m², thửa số 2233, tờ bản đồ số 8AB.2 và diện tích 1.702,5m² thửa số 2234, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại phường A2, thị xã A, tỉnh Bình Dương theo các GCNQSDĐ số CA061584 và số bìa CA061585 do UBND thị xã A cấp ngày 29/5/2015 cho ông Hồ Văn H là hợp pháp.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2019/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn O đối với phần Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A và phần Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn O về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã A thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02930 thửa đất số 1493, tờ bản đồ số 7AB4, 5, 8 tổng diện tích 4.327m² tại ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố A1, phường A2, thị xã A) do Ủy ban nhân dân huyện A (nay là thị xã A) cấp ngày 01/4/2009 cho ông Đoàn Văn T2.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn O đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, Ủy ban nhân dân thị xã A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hủy một phần Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày

20/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A; Hủy một phần Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị S và ông Hồ Văn H, cụ thể như sau:

Hủy một phần Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A; Hủy một phần Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đối với phần giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn O về việc yêu cầu thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642017 thửa đất số 2233 tờ bản đồ số 2, diện tích 3.829,3m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642018, thửa đất số 2234 tờ bản đồ số 2 diện tích 1.702,5m² tại ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố A1, phường A2, thị xã A) do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 30/9/2009 cho bà Nguyễn Thị S và về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã A thực hiện theo tờ cam kết phân chia đất gia tộc ngày 27/7/1995.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642017, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03023 thửa đất số 2233 tờ bản đồ số 2 diện tích 3.829,3m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642018, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03022 thửa đất số 2234 tờ bản đồ số 2 diện tích 1.702,5m² tại ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố A1, phường A2, thị xã A) do Ủy ban nhân dân huyện A đã cấp ngày 30/9/2009 cho bà Nguyễn Thị S.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CA061584 thửa đất số 2233 tờ bản đồ số 8AB.2 diện tích 3.829,3m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CA061585 thửa đất số 2234 tờ bản đồ số 8AB.2 diện tích 1.702,5m² tại khu phố A1, phường A2, thị xã A do Ủy ban nhân dân thị xã A đã cấp ngày 29/5/2015 cho ông Hồ Văn H (đại diện của những người được thừa kế gồm bà Hồ Thị Xuân M).

3. Ông Hồ Văn H phải tự giải quyết hợp đồng thuê đất với những người thuê đất, đang ở trên đất và toàn bộ cây trồng trên đất để trả lại hiện trạng đất trống tại thửa đất số 2233 tờ bản đồ số 8AB.2 diện tích 3.829,3m² và thửa đất số 2234 tờ bản đồ số 8AB.2 diện tích 1.702,5m² tại khu phố A1, phường A2, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/6/2019, ông Hồ Văn H kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn O về việc yêu cầu: Hủy một phần Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A; Hủy một phần Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị S và ông Hồ Văn H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hồ Văn H trình bày lý do kháng cáo: Việc ông Hồ Văn O khởi kiện yêu cầu tòa án hủy các GCN đã cấp cho bà S là đã hết thời hiệu khởi kiện. Mặt khác, sau khi cấp đổi GCNQSDĐ cho ông Hồ Văn H theo hình thức khai nhận di sản thừa kế thì GCNQSDĐ cấp cho bà S đã bị thu hồi và hủy bỏ. Việc án sơ thẩm tuyên hủy đối với GCNQSDĐ số CA 081584 ngày 29/5/2015 và GCN quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số CA 061565 ngày 29/5/2015 cấp cho ông Hồ Văn H là vượt quá thẩm quyền. Báo cáo kết luận số 2245/BC-TTTP ngày 02/8/2010 của Thanh tra Chính phủ có dấu hiệu trái pháp luật ảnh hưởng xấu đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và những người liên quan.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Tại Báo cáo số 2245/BC-TTTP ngày 02/8/2010 của Thanh tra chính phủ kết luận các Quyết định giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai trong thân tộc ông Hồ Văn O của UBND huyện A và UBND tỉnh Bình Dương không đúng quy định pháp luật nên yêu cầu thu hồi hủy bỏ. Theo đó, UBND tỉnh đã thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 4071/QĐ-CT ngày 20/10/2003 và Quyết định số 307/QĐ-UB ngày 08/6/2001 của UBND huyện A. Như vậy căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S không còn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông O về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà S và ông H là có căn cứ. Các Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A; Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn O được ban hành không đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của ông Hồ Văn H, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương và đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND thị xã A, UBND thị xã A vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm.

Ông Hồ Văn O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã A; Hủy Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ Văn O; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642017 diện tích 3.829,3m², thửa số 2233, tờ bản đồ số 8AB.2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642018 diện tích 1.702,5m² thửa số 2234, tờ bản đồ số 2, do UBND huyện A cấp ngày 30/9/2009 cho bà Nguyễn Thị S; Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA061584 và số CA061585 do UBND thị xã A cấp ngày 29/5/2015 cho ông Hồ Văn H (thừa kế quyền sử dụng đất của bà S).

Trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án, ông Hồ Văn O rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã A và phần Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn O yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đoàn Văn T2. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với nội dung khởi kiện này của ông Hồ Văn O là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính.

Xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642018 do Ủy ban nhân dân huyện A đã cấp ngày 30/9/2009 cho bà Nguyễn Thị S; các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA061584 và số

CA061585 do Ủy ban nhân dân thị xã A đã cấp ngày 29/5/2015 cho ông Hồ Văn H; Quyết định số 4420/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thị xã A ban hành ngày 20/8/2015, Quyết định số 894/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành ngày 20/4/2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn O, đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Ngày 05/4/2017, ông Hồ Văn O khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết là còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Ngày 04/6/2019, ông Hồ Văn H kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2019/HC-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện.

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định:

Ngày 15/7/2015, ông Hồ Văn O có đơn khiếu nại về việc UBND thị xã A chưa thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đoàn Văn T2 và bà Nguyễn Thị S, đồng thời khiếu nại về việc UBND thị xã A không thực hiện theo Tờ cam kết phân chia ngày 27/7/1995 trong thân tộc ông O. Chủ tịch UBND thị xã A căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Khiếu nại, Luật Đất đai năm 2013, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính để ban hành Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015. Và ngày 20/4/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 894/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông O là phù hợp với quy định tại Điều 121 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung các quyết định:

Xét thấy, Quyết định số 307/QĐ-CT ngày 08/6/2001 của Chủ tịch UBND huyện A giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn H có nội dung công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị S (vợ ông Hồ Văn J) ngụ tại 37/6 khu phố 4, phường A7, quận A4, Thành phố Hồ Chí Minh đối với diện tích 5.670m² thuộc các thửa 4, 24, 28 tờ bản đồ số 8 chính quy xã A2; Quyết định số 4071/QĐ-CT

ngày 22/10/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Hồ Văn O, Hồ Văn R1, Hồ Hữu R2, Phạm Văn X2 đối với Quyết định số 307/QĐ-CT ngày 08/6/2001 của Chủ tịch UBND huyện A, công nhận Quyết định số 307/QĐ-CT ngày 08/6/2001 giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ Văn O với thân tộc là phù hợp pháp luật.

Căn cứ vào Quyết định số 4071/QĐ-CT nêu trên, ngày 30/9/2009, UBND huyện A đã cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị S gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642017 thửa đất số 2233 tờ bản đồ số 2 diện tích 3.829,3 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642018 thửa đất số 2234 tờ bản đồ số 2 diện tích 1.702,5m², tại ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Bình Dương.

Không đồng ý, ông Hồ Văn O tiếp tục khiếu nại tới Thanh tra Chính phủ. Tại Báo cáo số 2245/BC-TTCTP ngày 02/8/2010 của Thanh tra Chính phủ có nội dung: Các Quyết định giải quyết khiếu nại số 307/QĐ-CT, số 311/QĐ-CT ngày 08/6/2001, số 519/QĐ-CT ngày 20/6/2002 của Chủ tịch UBND huyện A; các Quyết định số 4070/QĐ-CT, số 4071/QĐ-CT ngày 20/10/2003, Quyết định số 650/QĐ-CT, số 651/QĐ-CT, số 653/QĐ-CT ngày 27/01/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương đều trái pháp luật nên kiến nghị hủy bỏ; Ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 259635 của UBND huyện A cấp cho ông Đoàn Văn T2; Công nhận Tờ cam kết phân chia đất gia tộc ngày 27/7/1995 cho gia tộc ông O theo quy định của pháp luật. Kiến nghị của Thanh tra Chính phủ đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Văn bản số 7185/CVCP-KNTC ngày 08/10/2010 và các văn bản chỉ đạo số 5138/VPCP-KNTC ngày 27/7/2011, số 10514/VPCP-VT ngày 12/12/2013, số 7325/VPCP-VT ngày 19/9/2014 của Văn phòng Chính phủ. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương đã có Văn bản số 1203/UBND-BTCD ngày 21/4/2015 chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND thị xã A thực hiện thu hồi, hủy bỏ các quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên, đồng thời chỉ đạo thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện A đã cấp cho ông Đoàn Văn T2.

Ngày 04/6/2015, Chủ tịch UBND thị xã A đã ban hành các Quyết định số 3046/QĐ-UBND, số 3047/QĐ-UBND, số 3048/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ các Quyết định giải quyết khiếu nại số 307/QĐ-CT, số 311/QĐ-CT ngày 08/6/2001, số 519/QĐ-CT ngày 20/6/2002. Ngày 09/6/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 1439/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ các Quyết định giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai: Số 4070/QĐ-UBND, số 4071/QĐ-CT ngày 20/10/2003, số 650/QĐ-CT, số 651/QĐ-CT, số 653/QĐ-CT ngày 27/01/2004.

Như vậy, căn cứ để giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị S đã bị hủy bỏ. Do đó, Ủy ban nhân dân thị xã A, nơi đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S phải ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642018 đã cấp cho bà S. Đồng thời, thu hồi hủy bỏ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA061584 và số CA061585 đã cấp cho ông Hồ Văn H (theo dạng thừa kế quyền sử dụng đất của bà S), mới phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai 2013 về đính chính, thu hồi giấy chứng nhận đã cấp.

Ông Hồ Văn O khiếu nại về việc UBND thị xã A không thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị S và ông Hồ Văn H là có căn cứ. Các Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã A và Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương giải quyết bác khiếu nại của ông O là không phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2.3] Xét kháng cáo của ông Hồ Văn H:

- Đối với kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn O về việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị S và ông Hồ Văn H là trái pháp luật, vượt quá thẩm quyền và đã hết thời hiệu khởi kiện.

Xét thấy, đối tượng khởi kiện của vụ án này là hai Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã A và Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn O đối với yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị S và ông Hồ Văn H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính thì: *“Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, Tòa án có quyền xem xét về tính hợp pháp của văn bản hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện”* và Hội đồng xét xử có thẩm quyền: *“Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan”*.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn O về việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị S và ông Hồ Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với kháng cáo của ông Hồ Văn H cho rằng Tờ cam kết phân chia đất ngày 27/7/1995 là vô hiệu, có dấu hiệu giả mạo và Thanh tra Chính phủ sử dụng tờ cam kết này làm căn cứ giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai là trái pháp luật.

Xét Tờ cam kết phân chia đất ngày 27/7/1995 là chứng cứ đã được Đoàn Thanh tra Chính phủ xác minh và khẳng định là thỏa thuận dân sự giữa các anh em trong thân tộc ông Hồ Văn O. Tại Báo cáo số 2245/BC-TTCP ngày 02/8/2010 đã công nhận Tờ cam kết phân chia đất gia tộc ngày 27/7/1995 này. Nếu ông H cho rằng Tờ cam kết phân chia đất ngày 27/7/1995 nêu trên có dấu hiệu giả mạo và Thanh tra Chính phủ sử dụng tờ cam kết này làm căn cứ giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai là trái pháp luật thì ông H có quyền khiếu nại tới Thanh tra Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ hoặc khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án để được giải quyết theo thẩm quyền.

Trong phạm vi vụ án hành chính này, căn cứ Kiến nghị của Thanh tra Chính phủ đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Văn bản số 7185/CVCP-KNTC ngày 08/10/2010 và các văn bản chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ, ông Hồ Văn O chỉ khiếu nại hành vi và yêu cầu UBND thị xã A thực hiện theo Tờ cam kết phân chia đất ngày 27/7/1995 đã được nêu trong Kiến nghị của Thanh tra Chính phủ. Xét thấy, UBND thị xã A là cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại của người dân về việc thực hiện hay không thực hiện nhiệm vụ, công vụ của mình. Tuy nhiên, UBND thị xã A không mời ông O và các anh em trong thân tộc có liên quan trong tờ cam kết đến ủy ban để hòa giải về vấn đề này mà đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại trả lời yêu cầu của ông Hồ Văn O, cho rằng việc khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của ủy ban nhân dân mà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là chưa thực hiện đúng trách nhiệm của ủy ban nhân dân trong việc giải quyết khiếu nại.

Từ những phân tích trên nhận thấy: Yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn O về việc hủy một phần Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã A và hủy một phần Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn O yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị S, thực hiện tờ cam kết phân chia đất trong thân tộc và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hồ Văn H là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Hồ Văn H phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn H; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn O đối với phần Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A và phần Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn O về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã A thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02930 thửa đất số 1493, tờ bản đồ số 7AB4, 5, 8 tổng diện tích 4.327m² tại ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố A1, phường A2, thị xã A) do Ủy ban nhân dân huyện A (nay là thị xã A) cấp ngày 01/4/2009 cho ông Đoàn Văn T2.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn O đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, Ủy ban nhân dân thị xã A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hủy một phần Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A; Hủy một phần Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị S và ông Hồ Văn H, cụ thể như sau:

Hủy một phần Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A; Hủy một phần Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đối với phần giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn O về việc yêu cầu thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642017 thửa đất số 2233 tờ bản đồ số 2, diện tích 3.829,3m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642018, thửa đất số 2234 tờ bản đồ số 2 diện tích 1.702,5m² tại ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố A1, phường A2, thị xã A) do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 30/9/2009 cho bà Nguyễn Thị S và về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã A thực hiện theo tờ cam kết phân chia đất gia tộc ngày 27/7/1995.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642017, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03023 thửa đất số 2233 tờ bản đồ số 2 diện tích 3.829,3m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 642018, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03022 thửa đất số 2234 tờ bản đồ số 2 diện tích 1.702,5m² tại ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố A1, phường A2, thị xã A) do Ủy ban nhân dân huyện A đã cấp ngày 30/9/2009 cho bà Nguyễn Thị S.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CA061584 thửa đất số 2233 tờ bản đồ số 8AB.2 diện tích 3.829,3m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CA061585 thửa đất số 2234 tờ bản đồ số 8AB.2 diện tích 1.702,5m² tại khu phố A1, phường A2, thị xã A do Ủy ban nhân dân thị xã A đã cấp ngày 29/5/2015 cho ông Hồ Văn H (đại diện của những người được thừa kế gồm bà Hồ Thị Xuân M).

3. Ông Hồ Văn H phải tự giải quyết hợp đồng thuê đất với những người thuê đất, đang ở trên đất và toàn bộ cây trồng trên đất để trả lại hiện trạng đất trống tại thửa đất số 2233 tờ bản đồ số 8AB.2 diện tích 3.829,3m² và thửa đất số 2234 tờ bản đồ số 8AB.2 diện tích 1.702,5m² tại khu phố A1, phường A2, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hồ Văn H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027025 ngày 06/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung

Lê Hoàng Tấn

Trần Thị Hòa Hiệp